BỘ Y TẾ - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1342
ĐẾN Ngày: 26-4-16
Chuyển: PVXH

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Bộ Y tế; Vụ trưởng Vụ Hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính; Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2015/NĐ-CP).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi kinh phí hỗ trợ; nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách nhà nước; chế độ báo cáo; trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chính sách hỗ trợ một lần cho

phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Mỗi đối tượng chỉ được nhận chính sách hỗ trợ một lần.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dân tộc thiểu số* là dân tộc được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

2. *Hộ nghèo* là hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 và Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

3. *Người cư trú tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn* là người có Hộ khẩu thường trú, Sổ tạm trú tại xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

4. *Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc* là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản 1 Điều 2 của Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. *Thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ* bao gồm: Chồng, con đẻ, con nuôi, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng hoặc người nuôi dưỡng của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ

1. Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện kê

khai trong trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã chết hoặc không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được.

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu một số giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, bao gồm:

a) Giấy đăng ký kết hôn đối với đối tượng hưởng chính sách là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số.

b) Kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương đối với trường hợp sinh con thứ ba nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền;

Điều 5. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp kinh phí cho đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng hưởng chính sách hoặc người thân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ (sau đây gọi là người đứng tên Tờ khai) lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Khi tiếp nhận hồ sơ, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người đứng tên Tờ khai bổ sung, hoàn thiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ ngay tại thời điểm đó thì người tiếp nhận phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện gửi người đứng tên Tờ khai. Khi nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, người đứng tên Tờ khai phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi ngay về cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3. Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ. Trường hợp giấy tờ là bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đứng tên Tờ khai nộp bản sao có chứng thực. Trường hợp giấy tờ là bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh các tiêu chí áp

dụng cho đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ; ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; thông báo và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hưởng chính sách.

Trường hợp hồ sơ không bảo đảm điều kiện hỗ trợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho người đứng tên Tờ khai.

Điều 6. Thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết

1. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày phát hiện đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết, sinh thêm con trái chính sách dân số, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định thu hồi kinh phí theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Quyết định và Thông báo thu hồi kinh phí cho đối tượng đã nhận hỗ trợ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định và Thông báo, đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết, sinh thêm con trái chính sách dân số có trách nhiệm hoàn trả kinh phí tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Kinh phí hoàn trả được nộp lại ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành. Năm 2016, ngân sách Trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; các địa phương còn lại do ngân sách địa phương tự bảo đảm.

Điều 8. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, sử dụng, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

2. Hằng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ mức hỗ trợ và số lượng đối tượng dự kiến được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cùng với

dự toán chi thường xuyên gửi Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nếu trực thuộc Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) hoặc Phòng Tài chính (nếu trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) để tổng hợp dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Đối với năm 2016, căn cứ kết quả thực hiện hỗ trợ tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản báo cáo cụ thể số đối tượng, kinh phí đã hỗ trợ gửi Bộ Y tế, Bộ Tài chính để tổng hợp. Bộ Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về việc thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các cấp

a) Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện). Người làm công tác dân số ở cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo hằng năm việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

b) Trước ngày 25 tháng 10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình). Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện là cơ quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo hằng năm việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

c) Trước ngày 05 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo gửi Bộ Y tế (qua Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) và Bộ Tài chính. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan giúp Giám đốc Sở Y tế báo cáo hằng năm với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

3. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Y tế báo cáo hằng năm với Chính phủ việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong phạm vi cả nước.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo người làm công tác dân số, lao động, xã hội trong việc lập danh sách đối tượng hỗ trợ chính sách, báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ hoặc thân nhân đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ lập, bổ sung hồ sơ, xác nhận đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ;

b) Tổ chức cấp phát kinh phí cho đối tượng hỗ trợ, thu hồi kinh phí đối với đối tượng đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết theo quy định;

c) Thực hiện công khai đối tượng được hỗ trợ trước và sau khi có quyết định hỗ trợ theo quy định hiện hành;

d) Kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ;

đ) Quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

e) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện

a) Hướng dẫn người làm công tác dân số cấp xã xác nhận đối tượng hưởng hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số;

b) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Cấp phát kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho cấp xã;

d) Kiểm tra, giám thực hiện chính sách hỗ trợ;

đ) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ;

e) Quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

3. Phòng Tài chính

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện gửi;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Kiểm tra, giám thực hiện chính sách hỗ trợ.

4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn người làm công tác lao động, xã hội cấp xã trong việc xác nhận các tiêu chí của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ;

b) Kiểm tra, giám thực hiện chính sách hỗ trợ.

5. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện gửi;

b) Hướng dẫn Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện xác nhận đối tượng sinh con đúng chính sách dân số, việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

d) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

6. Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện, người làm công tác dân số cấp xã tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách hỗ trợ một lần cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

7. Sở Tài chính

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, thành phố vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn lập, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn và thu hồi kinh phí đối với đối tượng đã nhận hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết

theo quy định;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, người làm công tác lao động - thương binh và xã hội cấp xã thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn: Lập, tổng hợp dự toán thực hiện chính sách hỗ trợ; hướng dẫn sử dụng, cấp phát, thanh toán, quyết toán, thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết; xác minh các tiêu chí để hưởng chính sách hỗ trợ; tổ chức cấp phát chính sách hỗ trợ; báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ; tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ; quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

10. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế báo cáo hằng năm với Chính phủ việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong phạm vi cả nước.

d) Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2016.

2. Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2015.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ THỨ TRƯỞNG
Nguyễn Trọng Đàm	Đỗ Hoàng Anh Tuấn	Nguyễn Viết Tiến

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Công báo, Trang thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế, Tài chính, Lao động-TBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trang thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: BYT, BTC, BLĐTBXH (VT, TCDS 05b).

Mẫu số 01a (mặt 1)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số

Họ và tên đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ: .....

Sinh ngày.... tháng... năm.... Dân tộc.....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Họ và tên chồng (nếu có): .....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Dân tộc: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Nghề nghiệp:.....

Thuộc hộ nghèo theo Quyết định số.....

Là đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:

TT	Các trường hợp sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ	Đánh dấu "X" vào ô tương ứng
1.	Sinh một hoặc hai con.	
2.	Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân.	
3.	Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.	
4.	Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.	
5.	Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.	
6.	Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.	
7.	Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ).	
8.	Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.	
9.	Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.	

Đề nghị Ủy ban nhân dân ..... xem xét, cấp hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và cam kết :

(1) .....(*)..... là đối tượng được hỗ trợ, chưa từng nhận hỗ trợ kinh phí của chính sách này.

(2) Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ sẽ không sinh thêm con trái chính sách dân số, nếu vi phạm sẽ phải hoàn trả số tiền đã nhận và chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Quan hệ với đối tượng hưởng:.....

Nơi thường trú/tạm trú::.....

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

Người khai/Người khai thay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

(*) Ghi "Tôi" nếu là đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp kê khai; ghi họ và tên đối tượng đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ khi khai thay.

Mẫu số 01a (mặt 2)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

Phần xác minh của Uỷ ban nhân dân cấp xã: Bà.....

Nội dung xác minh	Kết quả xác minh (**)		Người xác minh	
	Đúng	Không	Tên lĩnh vực được phân công phụ trách	Ký, ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm
1. Là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số hoặc là phụ nữ người dân tộc thiểu số chưa kết hôn	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
2. Thuộc hộ nghèo	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
3. Cư trú tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
4. Không là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
5. Sinh con thuộc trường hợp quy định tại Khoản....Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*

** Ghi "đúng' hoặc "không" vào một trong hai ô của từng dòng.

Mẫu số 01b (mặt 1)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

(Mẫu này áp dụng khi có Mã số định danh cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số

Họ và tên đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ:.....

Nghề nghiệp:.....

Thuộc hộ nghèo theo Quyết định số.....

Là đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:

TT	Các trường hợp sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ	Đánh dấu "X" vào ô tương ứng
1.	Sinh một hoặc hai con.	
2.	Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân.	
3.	Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.	
4.	Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.	
5.	Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.	
6.	Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.	
7.	Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ).	
8.	Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.	
9.	Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.	

Đề nghị Ủy ban nhân dân ..... xem xét, cấp hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và cam kết :

(1) .....(*)..... là đối tượng được hỗ trợ, chưa từng nhận hỗ trợ kinh phí của chính sách này.

(2) Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ sẽ không sinh thêm con trái chính sách dân số, nếu vi phạm sẽ phải hoàn trả số tiền đã nhận và chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Quan hệ với đối tượng hưởng:.....

Nơi thường trú/tạm trú::.....

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

Người khai/Người khai thay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

(*) Ghi "Tôi" nếu là đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp kê khai; ghi họ và tên đối tượng đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ khi khai thay.

Mẫu số 01b (mặt 2)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)
(Mẫu này áp dụng khi có Mã số định danh cá nhân)

Phần xác minh của Uỷ ban nhân dân cấp xã: Bà.....

Nội dung xác minh	Kết quả xác minh (*)		Người xác minh	
	Đúng	Không	Tên lĩnh vực được phân công phụ trách	Ký, ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm
1. Là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số hoặc là phụ nữ người dân tộc thiểu số chưa kết hôn	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
2. Thuộc hộ nghèo	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
3. Cư trú tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
4. Không là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*
5. Sinh con thuộc trường hợp quy định tại Khoản....Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP	.....	.....	....	.... *Ngày.. tháng...năm 20.*

(*) Ghi "đúng' hoặc "không" vào một trong hai ô của từng dòng.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	...., *ngày ..... tháng ..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

Căn cứ Thông tư liên tịch số /2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho mỗi người có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này (danh sách kèm theo).

Là đối tượng hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Những người có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các cam kết ghi trong Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng....năm 20....

Điều 3. Văn phòng Uỷ ban nhân dân, những người có tên tại Điều 1 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN **CHỦ TỊCH** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**
Nơi nhận: - Như Điều 3; - .....; - Lưu: VT, ...	

DANH SÁCH

Phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-..... ngày ... tháng ... năm 20.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Thành phần dân tộc	Địa chỉ
1				
2				
3				
...				

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số vi phạm chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

Căn cứ Thông tư liên tịch số /2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày tháng năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ban Dân số xã/phường.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ do đã nhận kinh phí hỗ trợ 01 lần trước đó/hoặc nhận kinh phí hỗ trợ lần đầu nhưng vi phạm cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số/:

- Đối tượng thu hồi (danh sách kèm theo).
- Số tiền: 2.000.000 đồng/người (hai triệu đồng/người).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi kinh phí, những cá nhân có tên tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn trả kinh phí tại Ủy ban nhân dân xã.

Điều 3. Văn phòng Uỷ ban nhân dân, những cá nhân có tên tại Điều 1 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN **CHỦ TỊCH** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**
Nơi nhận: - Như Điều 3; - .....; - Lưu: VT, ...	

DANH SÁCH

Phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số bị thu hồi kinh phí hỗ trợ do vi phạm chính sách dân số của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-..... ngày ... tháng ... năm 20.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Thành phần dân tộc	Địa chỉ
1				
2				
3				
...				

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TB-.....	*.... ...., ngày ..... tháng ..... năm 20...*

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

Kính gửi: .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân ..... về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số vi phạm chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số,

Ủy ban nhân dân ..... thông báo thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP do đã nhận kinh phí hỗ trợ 01 lần trước đó/hoặc nhận kinh phí hỗ trợ lần đầu nhưng vi phạm cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số:

- Đối tượng thu hồi (danh sách kèm theo)

- Số tiền: 2.000.000 đồng/người (hai triệu đồng/người).

Thời gian, địa điểm nộp lại số tiền hỗ trợ: Trong thời gian 45 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả kinh phí tại Ủy ban nhân dân xã./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT, ...

DANH SÁCH

Đối tượng thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Thông báo số ..... /TB-..... ngày ... tháng ... năm 20.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Thành phần dân tộc	Địa chỉ
1				
2				
3				
...				

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016)

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm 20...*

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

Ủy ban nhân dân ..... báo cáo việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ trên địa bàn năm ..... như sau:

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trên địa bàn đã nhận kinh phí hỗ trợ: ....., trong đó phân theo các nhóm đối tượng được hỗ trợ: .....

2. Tổng số tiền hỗ trợ: ..... (bằng chữ) .....đồng, trong đó, ngân sách Trung ương:.....; ngân sách địa phương.....

3. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận tiền nhưng vi phạm cam kết không sinh thêm con trái với chính sách dân số: .....

4. Tổng số tiền thu hồi: ..... (bằng chữ):.....đồng.

(Biểu mẫu kèm theo)

5. Nguyên nhân vi phạm cam kết không sinh thêm con trái với chính sách dân số

.....

.....

6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

.....

.....

7. Đề xuất, kiến nghị

.....

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Nơi nhận:
-.....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ..... /BC-..... ngày ... tháng ... năm 20.....)

Số TT	Huyện, xã	Số đối tượng được hưởng chính sách		Kinh phí hỗ trợ (ngàn đồng)	Kinh phí thu hồi (ngàn đồng)
		Đúng chính sách	Vi phạm chính sách		
A	B	1	2	3=1x2.000.000	4=2x2.000.000
1					
2					
3					
...					
	Tổng số				

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách:.....

2. Tổng kinh phí hỗ trợ: (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.

3. Tổng kinh phí thu hồi: (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên